

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân cư Đồng Nhung, thị trấn Rừng Thông, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa - Khu B của UBND huyện Đông Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 19/11/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Đông Sơn về việc về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án hạ tầng khu dân cư trên địa bàn huyện Đông Sơn năm 2021; Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 19/07/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Đông Sơn về việc về việc phê duyệt điều chỉnh một số dự án hạ tầng khu dân cư mới năm 2021;

Xét Văn bản số 5175/STNMT-BVMT ngày 20/06/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án Hạ tầng khu dân cư Đồng Nhung, thị trấn Rừng Thông, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa - Khu B;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 536/Tr-STNMT ngày 07/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân cư Đồng Nhung, thị trấn Rừng Thông, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa - Khu B (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Đông Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Rừng

Thông và xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân cư Đồng Nhung, thị trấn Rừng Thông, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa - Khu B của UBND huyện Đông Sơn thực hiện tại thị trấn Rừng Thông và xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Đông Tiến, UBND thị trấn Rừng Thông (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án Khu dân cư Đồng Nhung, thị trấn Rừng Thông, xã Đông Tiến,
huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa - Khu B của UBND huyện Đông Sơn

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khu dân cư Đồng Nhung, thị trấn Rừng Thông, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa - Khu B.
- Địa điểm thực hiện: thị trấn Rừng Thông và xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ dự án: UBND huyện Đông Sơn.
- Đại diện chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Sơn.
- + Đại diện: (Ông) Đồng Văn Long Chức vụ: Giám đốc ban
- + Địa chỉ liên hệ: Thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

a. Phạm vi dự án: Khu đất lập dự án đầu tư có diện tích 98.404,2m², thuộc địa giới hành chính thị trấn Rừng Thông và xã Đông Tiến; ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp khu dân cư hiện trạng;
- Phía Tây giáp vị trí dự án Khu dân cư Đồng Nhung, thị trấn Rừng Thông, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa - Khu A (chưa thi công và được thi công đồng thời với khu B);
- Phía Nam giáp đầu nối với đường Quốc lộ 45;
- Phía Đông giáp vị trí dự án Khu dân cư Đồng Nhung, thị trấn Rừng Thông, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa - khu C (chưa thi công và được thi công đồng thời với khu B).

b. Quy mô, công suất dự án:

Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đồng Nhung, thị trấn Rừng Thông, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn - Khu B với tổng diện tích 98.404,2m²; bao gồm các hạng mục: San nền, giao thông, cấp nước, thoát nước và hệ thống cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng hoàn chỉnh.

Quy mô sử dụng đất của dự án là 98.404,2m², trong đó:

- + Đất ở liền kề: 3.648,0 m² xây dựng 30 lô nhà chia lô quy mô từ 2-3 tầng.
- + Đất ở biệt thự: 7411,90 m² xây dựng 29 lô biệt thự quy mô từ 1-3 tầng.
- + Đất hỗn hợp (nhà ở kết hợp thương mại): 12.132,00 m² xây dựng 102 lô biệt thự quy mô từ 3-5 tầng.
- + Đất giao thông: 75.212,30 m².
- *Quy mô dân số:* Khoảng 805 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

a. Giải phóng mặt bằng:

Tổng diện tích giải phóng mặt bằng dự án là 98.404,2m².

b. Thiết kế san nền:

San nền bổ sung các vị trí trũng, thấp để đảm bảo cao độ khớp nối phù hợp với các tuyến giao thông theo quy hoạch; cao độ thiết kế san nền tại các lô đất không chế từ +4,08m đến +5,0m.

c. Giao thông:

Toàn bộ phần đầu tư trong giai đoạn này có 7 tuyến đường có tổng chiều dài L = 1.900,63m;

+ Tuyến số 1B có chiều dài L = 371,74 m.

+ Tuyến số 2B có chiều dài L = 578,72 m.

+ Tuyến số 3B có chiều dài L = 130,75 m.

+ Tuyến số 4B có chiều dài L = 201,00m.

+ Tuyến số 5B có chiều dài L = 264,93 m.

+ Tuyến số 6B có chiều dài L = 290,33 m.

+ Tuyến số 7B có chiều dài L = 63,16 m.

- Mạng lưới đường ống được thiết kế theo kiểu mạng vòng kết hợp mạng hở.

- Mạng dịch vụ là mạng cung cấp nước trực tiếp đến các đối tượng sử dụng nước, đường kính ống từ D63-:-D110. Trên mạng dịch vụ này được quy hoạch thành mạng hở, tại những điểm đầu nối với đường ống thuộc mạng phân phối đều có van khóa không chế.

- Mạng ống cấp được không chế bởi các tê, cút, van khóa.

- Ống cấp nước dịch vụ đầu vào ống cấp nước chính phải có đai khởi thủy.

- Ống cấp nước sử dụng ống nhựa HDPE, áp lực làm việc PN = 8 bar.

- Các ống cấp nước được đặt trên hè, những đoạn qua đường, tùy thuộc vào chiều sâu sẽ được đặt trong ống lồng bảo vệ. Đường kính ống lồng lớn hơn các ống tương ứng hai cấp tùy trường hợp thực tế.

- Dưới các phụ kiện van, tê, cút của tuyến ống chính cần đặt các gối đỡ bê tông.

- Mạng lưới đường ống cấp nước cứu hoả là mạng lưới chung kết hợp với cấp nước sinh hoạt, dịch vụ.

e. Hạng mục thoát nước:

- Hệ thống thoát nước mưa gồm hệ thống cống bê tông cốt thép D600-D800 bố trí dọc tuyến giao thông nội bộ khu vực có độ dốc $i \geq 0,1\%$ thoát ra tuyến mương nội đồng khu vực phía Đông dự án.

- Nước thải được xử lý sơ bộ qua các công trình xử lý do các hộ dân tự xây dựng bao gồm bể tự hoại 3 ngăn và bể tách dầu mỡ sau đó dẫn về thiết bị XLNT hợp khối bằng vật liệu Composite gồm 03 modul với công suất 50m³/ngày.đêm/1 modul đặt ngầm tại vị trí khuôn viên cây xanh mặt nước 3

thuộc dự án Khu dân cư Đồng Nhung, thị trấn Rừng Thông, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn - Khu D nằm phía Đông dự án để tiếp tục xử lý đạt QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B), sau đó thoát ra hồ điều hòa thuộc khu D. (Toạ độ điểm đầu nối thoát nước thải là: X= 576225,81; Y= 2193207,09).

g. Hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

Tuyến điện trung áp dịch chuyển thiết kế theo cấp điện áp 22KV và đi ngầm theo vỉa hè. Cấp hạ thế từ các trạm biến áp đi ngầm trên vỉa hè. Các nhà tủ gom công tơ bố trí ngoài trời trên vỉa hè. Vị trí tủ gom công tơ được bố trí trên vỉa hè trên cột bê tông treo dây điện nằm ở vị trí giáp giữa 2 nhà. Trong các tủ bố trí các aptomat nhánh bảo vệ.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ với diện tích 62.737,9 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Các công trình và hoạt động giai đoạn thi công:

- Giải phóng mặt bằng khu vực dự án.
- Thi công san nền khu vực dự án.
- Thi công hệ thống giao thông khu vực dự án.
- Thi công hệ thống thoát nước khu vực dự án.
- Thi công hệ thống cấp nước khu vực dự án.
- Thi công cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng.

2.2. Các công trình và hoạt động giai đoạn vận hành:

- Thi công các công trình nhà ở.
- Sinh hoạt của người dân khu vực dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng:

a. Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 5,7 m³/ngày, trong đó: Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân 3,3 m³/ngày; Nước thải từ quá trình vệ sinh 2,16 m³/ngày; Nước thải từ hoạt động ăn uống 0,24 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải từ quá trình rửa xe khoảng 12 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công 174,94 lit/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

b. Bụi, khí thải:

- Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật gồm: bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, bụi cuốn theo lớp xe. Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂.

- Bụi và khí thải từ hoạt động thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật gồm: bụi từ đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công trình, bụi và khí thải từ các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO, bụi từ hoạt động vệ sinh móng đường cấp phối đá dăm trước khi láng nhựa, khí thải từ hoạt động tưới nhựa dính bám và từ lớp mặt đường bê tông nhựa trong quá trình thi công. Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂.

c. Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 53 kg/ngày, chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Khối lượng phát quang thảm phủ thực vật: 47,52 tấn.

- Khối lượng phá dỡ hiện trạng: 1.577,35 tấn.

- Tổng khối lượng đất bóc đất hữu cơ, bùn nạo vét là: 31.012,92 m³.

- Chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rời vãi như cát, đá dăm,...: 128 tấn.

- Chất thải rắn từ các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại ...: 10,02 tấn.

- Gạch vỡ: 10,02 tấn.

d. Chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa...khối lượng khoảng 5,0 kg/tháng.

- Chất thải lỏng nguy hại phát sinh chủ yếu dầu thải...khối lượng khoảng 438lít/quá trình.

e.. Tác động do, tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

3.2. Giai đoạn vận hành:

a. Nước thải:

- Lưu lượng nước mưa chảy tràn khoảng 905 lit/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt là 128,4 m³/ngày. Trong đó: Nước thải vệ sinh: 40,81 m³/ngày; nước thải nấu ăn: 24,15 m³/ngày; nước thải tắm giặt: 63,44 m³/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform, dầu mỡ...

b. Bụi, khí thải:

Bụi và khí thải trong giai đoạn vận hành của dự án chủ yếu là phát sinh từ: Hoạt động của phương tiện giao thông; hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình; mùi hôi từ công trình xử lý nước thải và chất thải rắn; hoạt động xây dựng của các hộ gia đình. Phạm vi tác động chủ yếu trong khuôn viên dự án. Thành phần khí thải chủ yếu: NO_2 , SO_2 , CO ,...

c. Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải phát sinh từ sinh hoạt của các hộ dân khoảng 1.098,83kg/ngày.đêm. Trong đó: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: 219,77 kg/ngày.đêm; chất thải thực phẩm là 769,18 kg/ngày.đêm; chất thải rắn sinh hoạt khác (bao gồm chất thải có khả năng đốt thu hồi năng lượng như lá cây, tranh ảnh, gỗ... và chất thải tro như thủy tinh, sành...) khối lượng: 109,88kg/ngày.đêm.

- Chất thải rắn các công trình công cộng bao gồm: lá cây, đất, cát..khối lượng là 161 kg/ngày.

d. Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt khoảng 10,99 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Giai đoạn xây dựng:

a. Nước thải:

** Nước mưa chảy tràn:*

- Không tập trung các loại vật liệu gần các mương thoát nước. Trong quá trình thi công thường xuyên kiểm tra, nạo vét các tuyến kênh mương thoát nước tạm đảm bảo quá trình thoát nước tốt không gây ngập úng.

- Che chắn khu vực thi công, phân luồng nước mưa chảy tràn, hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Nhà thầu thi công cần phải thu dọn các chất rơi vãi trong khi san lấp, đào móng hạn chế các chất rơi vãi bị cuốn theo nước mưa.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố gas tạm để thoát nước mưa, khoảng cách giữa các hố gas 50m/hố gas. Rãnh thoát nước mưa là các rãnh đào tạm thời kích thước sâu x rộng = 0,4x0,5(m); các hố gas tạm có kích thước $d \times r \times c = 0,8 \times 0,8 \times 0,8$ (m).

- Thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

b. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân có lưu lượng 3,3 m³/ngày được thu gom về bể lắng kích thước: 2,0m x 2m x 1,0 m (bể lắng nước rửa xe) xây dựng bằng cách đào hố, dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành chống thấm, trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải vệ sinh lưu lượng $2,16 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được xử lý bằng 05 nhà vệ sinh di động, kích thước nhà vệ sinh (Bể chứa chất thải: 500 lít; Bể chứa nước dự trữ: 400 lít). Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 02 ngày/lần) đem đi xử lý.

- Đối với nước thải từ ăn uống có lưu lượng $0,24 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom và xử lý sơ bộ bằng 01 hồ tách dầu mỡ có kích thước $1\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$, sau đó nước thải được dẫn về hồ lắng tạm (cùng với nước thải tắm rửa, giặt giũ). Nước thải sau khi xử lý thải ra mương thoát nước của khu vực.

** Nước thải xây dựng:*

- Nước thải rửa xe khoảng $12 \text{ m}^3/\text{ngày}$, thu gom và xử lý bằng hồ lắng tạm $14,0 \text{ m}^3$ (kích thước $3,5\text{m} \times 2 \text{ m} \times 2\text{m}$), dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành chống thấm. Sau đó thải ra mương hiện trạng của khu vực phía Đông dự án.

- Nước thải rửa dụng cụ thi công khoảng $1,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$, thu gom và xử lý bằng 01 hồ lắng tạm $14,0 \text{ m}^3$ (kích thước $3,5\text{m} \times 2 \text{ m} \times 2\text{m}$) cùng với nước thải rửa xe (vị trí hồ lắng bố trí gần công ra vào dự án), Sau đó, thải ra mương hiện trạng khu vực phía Đông dự án.

b. Bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính,... theo quy định (số lượng 200 bộ), bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Thực hiện phát quang đến đâu, vận chuyển đưa đi đổ thải đến đó để tránh phát tán bụi và mùi gây ảnh hưởng đến các khu vực lân cận.

- Điều tiết xe phù hợp để tránh làm gia tăng mật độ xe, nhất là vào các giờ cao điểm trong ngày (từ 7h-8h, từ 11h-12h, từ 16h30-17h30), bằng cách chia ca tan làm cách nhau 10 phút.

- Bố trí công nhân quét dọn vệ sinh khu vực công trường, tuyến đường ra vào dự án (tuyến quốc lộ 45 và các tuyến đường dân sinh khác) khi thấy có đất, cát vương vãi.

- Phun nước làm ẩm, giảm bụi với tần suất 03 lần/ngày trong những ngày vận chuyển nguyên vật liệu, tần suất phun tưới nước có thể còn tăng lên 04 lần/ngày nếu thấy bụi xuất hiện nhiều trên tuyến đường vận chuyển.

- Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hoá tới mức tối đa, các máy móc thi công hiện đại và hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao nhằm hạn chế phát sinh bụi từ khí thải.

- Lắp dựng rào tôn xung quanh khu vực thi công dự án để ngăn cách giữa khu vực thi công dự án và các khu vực xung quanh, $L \times H = 1.500 \times 2,5 \text{ (m)}$;

c. Chất thải rắn thông thường:

** Chất thải rắn sinh hoạt:*

- Thực hiện phân loại rác thải tại nguồn: Chất thải rắn sinh hoạt có thể tái chế; Chất thải sinh hoạt không thể tái chế.

- Chất thải rắn sinh hoạt không thể tái chế thu gom riêng vào các thùng 30 lít (04 thùng), hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển với

tần suất 01 lần/ngày; chất thải rắn sinh hoạt có thể tái chế thu gom riêng vào thùng nhựa composite 120 lit (01 thùng) đặt tại khu vực lán trại công nhân và bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

** Chất thải rắn xây dựng:*

- Thực vật phát quang (khối lượng 47,52 tấn), vật liệu rơi vãi (khối lượng 128 tấn), đất đào bóc phong hóa, bùn thải (khối lượng 31.012,92m³) và vật liệu khác (khối lượng 10,02 tấn) thu gom và vận chuyển về bãi đổ thải.

Bãi đổ thải của dự án là khu vực dưới chân núi Vức, phường An Hưng của Công ty TNHH MTV Tân Thành 9 cách dự án khoảng 8km, diện tích đổ thải 36.000 m², sức chứa bãi thải là 54.000m³.

- Chất thải rắn xây dựng có thể tái chế thu gom riêng và bán cho các cơ sở phế liệu trên địa bàn.

d. Chất thải nguy hại

Trang bị 13 thùng chuyên dụng 200 lít/thùng để thu gom (trong đó 11 thùng chứa dầu nhớt thải và 02 thùng chứa chất thải rắn nguy hại). Các thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, bên ngoài thùng có biểu tượng cảnh báo nguy hại, có dán nhãn mác và đặt trong nhà kho diện tích khoảng 10m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng.

4.2. Giai đoạn vận hành

a. Nước thải:

** Nước mưa chảy tràn:*

- *Trách nhiệm của chủ đầu tư:*

+ Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn bằng hệ thống cống thoát nước nội bộ D600-D800, thoát ra mương hiện trạng phía Đông khu đất dự án.

+ Các hố ga thiết kế theo loại hộp giữ nước và có lưới chắn rác, nắp và lưới chắn rác sử dụng bằng gang đúc sẵn tạo mỹ quan.

- *Trách nhiệm của UBND thị trấn Rừng Thông và xã Đông Tiến:*

+ Yêu cầu các hộ dân khi thi công xây dựng nhà phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa phù hợp để đấu nối với hệ thống thoát nước mưa của khu dân cư.

+ Hợp đồng với đơn vị chức năng nạo vét định kỳ các hố ga để loại bỏ rác, cặn lắng, bùn thải, vận chuyển xử lý đúng quy định.

** Nước thải sinh hoạt:*

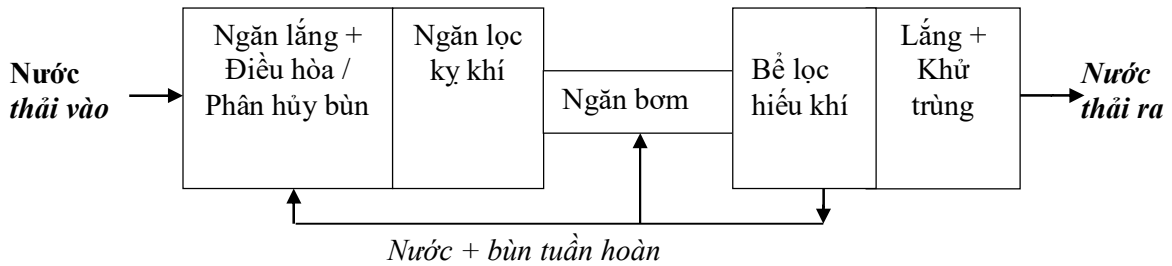
- *Trách nhiệm của chủ đầu tư:*

+ Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom nước thải, đặt sẵn các vị trí chờ đấu nối tại mỗi hộ gia đình để sau này các hộ gia đình vào đầu tư sẽ đấu nối vào đường ống chờ này và thoát nước vào hệ thống thoát nước chung theo định hướng quy hoạch.

+ Xây dựng hoàn chỉnh thiết bị XLNT hợp khối bằng vật liệu Composite gồm 03 modul với công suất 50 m³/ngày đêm/1modul đặt ngầm tại vị trí công

viên cây xanh mặt nước 3 thuộc dự án Khu dân cư Đồng Nhung, thị trấn Rừng Thông, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn - Khu D nằm ở phía Đông dự án để xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt từ các hộ dân sau khi xử lý sơ bộ. Nước thải xử lý đạt QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B), sau đó thoát ra hồ điều hòa thuộc khu D (Toạ độ điểm đầu nối thoát nước thải là: là X= 576225,81; Y= 2193207,09).

Sơ đồ xử lý của thiết bị XLNT hợp khối bằng vật liệu Composite như sau:



Sau khi trạm xử lý nước thải thị trấn Rừng Thông có công suất đến năm 2025 là 4.000 m³/ngày.đêm, đến năm 2040 là 6.000m³/ngày.đêm được xây dựng theo quy hoạch tại Quyết định 564/QĐ-UBND ngày 11/2/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, dừng hoạt động của thiết bị XLNT hợp khối tại chỗ, đầu nối nước thải phát sinh tại dự án về trạm xử lý nước thải thị trấn Rừng Thông theo quy hoạch.

- *Trách nhiệm của các hộ dân:*

+ Yêu cầu các hộ dân tự xây dựng tại mỗi công trình nhà liền kề, nhà biệt thự bể tách dầu mỡ dung tích 1m³, kích thước dài x rộng x sâu = 1m x 1m x 1m); bể tự hoại dung tích 3m³, kích thước dài x rộng x sâu = 2,0m x 1,5m x 1,0m đầu nối vào đường ống chờ trên hệ thống thu gom nước thải do chủ đầu tư xây dựng.

- *Trách nhiệm của UBND thị trấn Rừng Thông và xã Đông Tiến:*

+ Thuê đơn vị có chức năng kiểm tra, nạo vét định kỳ hệ thống đường ống dẫn nước thải, kịp thời phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế.

+ Đưa ra quy định và yêu cầu các hộ gia đình vào đầu tư xây dựng phải cam kết không để rơi vãi chất thải rắn, hóa chất, dung môi hữu cơ, xăng dầu, xà phòng,... vào hệ thống thoát nước.

b. Bụi, khí thải

- *Trách nhiệm của chủ đầu tư:*

+ Thiết kế hệ thống cây xanh dọc theo các tuyến giao thông nội bộ, trồng phân tán các loại cây có tán rộng, thân thẳng, trổ hoa đồng loạt và theo mùa tạo nét văn hóa đặc trưng riêng cho khu dân cư.

+ Quy định rõ ràng, cụ thể về việc tuân thủ các công tác bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng của các hộ dân.

- + Thường xuyên giám sát, kiểm tra hoạt động xây dựng của các hộ dân.
- + Xây dựng hệ thống thu gom nước thải của dự án kiên cố, có nắp đậy bằng betong, có ống thoát khí, nhằm hạn chế sự phát tán mùi hôi.

- Trách nhiệm của UBND xã Đông Tiến và UBND thị trấn Rừng Thông:

- + Hợp đồng với đơn vị có chức năng, thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực dọc tuyến đường nội bộ của khu dân cư; kiểm tra hệ thống thu gom, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

+ Phun nước tưới đường giao thông nội bộ khu dân cư, đoạn ra vào khu dân cư nhằm giảm bụi bốc bay theo lớp bánh xe.

+ Khuyến khích các hộ gia đình trồng cây xanh nhằm điều hòa vi khí hậu trong gia đình cũng như tạo cảnh quan môi trường.

+ Tuyên truyền người dân sử dụng các nhiên liệu ít gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động sinh hoạt như: gas, điện,... không sử dụng nhiên liệu hóa thạch gây ô nhiễm môi trường.

- Trách nhiệm của các hộ dân:

+ Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà, trồng cây xanh trong khuôn viên khu đất nhằm điều hòa vi khí hậu, tạo cảnh quan môi trường;

+ Khuyến khích hộ dân lắp đặt hệ thống hút mùi tại khu vực nhà bếp, tất các phương tiện giao thông của cá nhân khi không cần thiết;

+ Bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt.

c. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Trách nhiệm của các hộ dân:

+ Các hộ gia đình phân loại, thu gom chất thải rắn phát sinh thành 4 loại: chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải tro; chất thải nguy hại trong sinh hoạt. Bố trí thiết bị chứa chất thải thực phẩm đảm bảo kín, không rò rỉ ra môi trường. Thu gom chất thải tro, chất thải nguy hại trong sinh hoạt bỏ vào các thiết bị chứa do UBND thị trấn bố trí.

+ Chi trả phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

+ Giữ gìn vệ sinh nơi ở và nơi công cộng, thu gom, tập kết CTRSH, CTNH đúng nơi quy định; không được vứt CTRSH, CTNH ra môi trường không đúng nơi quy định; tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng do chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể phát động.

+ Dọn dẹp, giữ gìn vệ sinh môi trường trong khu đất thuộc quyền sử dụng của mình, vỉa hè trước và xung quanh khu vực.

+ Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong công tác điều tra, khảo sát xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý CTRSH, CTNH.

+ Giám sát và phản ánh các vấn đề liên quan đến chất lượng cung ứng các dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, CTNH; các vi phạm đối với Quy định này đến UBND cấp huyện.

- Trách nhiệm của chủ đầu tư:

Xây dựng khu vực tập kết chất thải tạm thời với diện tích khoảng 20m² gần với khu vực trồng cây xanh để tập kết chất thải tạm thời. Khu vực tập kết tạm thời có mái che và hệ thống rãnh thu gom, hố gas thu gom nước (dẫn về hệ thống thoát nước thải, sau đó dẫn về thiết bị xử lý nước thải tập trung xử lý) nhằm hạn chế nước mưa gây ảnh hưởng đến chất thải rắn tạm thời tại khu vực dự án.

- Trách nhiệm của UBND thị trấn Rừng Thông và xã Đông Tiến.

+ Cung cấp các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành liên quan đến CTR, CTNH cho các hộ gia đình; có chương trình, kế hoạch cụ thể trong việc nạo vét cống rãnh và thông báo rộng rãi cho người dân toàn khu dự án biết trước khi triển khai.

+ Bố trí 02 thùng nhựa loại 500 lít màu đen để chứa CTNH rắn và lỏng riêng biệt; có dán nhãn và chỉ dẫn “chất thải nguy hại” bên ngoài thùng, thùng có nắp đậy kín đặt tại nhà văn hóa thuộc khu A cách dự án 500m về phía Tây để thu gom CTNH từ hoạt động của các gia đình.

+ Trang bị 02 xe chứa CTR có dung tích 0,5m³/xe đặt tại điểm tập kết CTR; Trang bị 30 thùng đựng rác loại 240 lít (kích thước DxRxH = 57,5x72x101 cm) đặt tại khuôn viên cây xanh.

+ Tổ chức dịch vụ thu gom hoặc hợp đồng thuê đơn vị thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt đem đi xử lý với tần suất 01 ngày/lần. Thuê đơn vị vệ sinh môi trường địa phương thực hiện vệ sinh khu vực cây xanh, công viên của dự án.

+ Bố trí 02 thiết bị thu gom chất thải trợ để người dân phân loại bỏ vào, đặt dọc tuyến đường giao thông 1B và tuyến 2B.

Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TT	Công trình bảo vệ môi trường	Đơn vị tính	Số lượng
1	Công trình xử lý nước thải		
-	Hệ thống mương thoát nước mưa	Hệ thống	01
-	Hệ thống thoát nước thải	Hệ thống	01
-	Thiết bị xử lý tại chỗ Bastafat-F (03 modul, công suất 50m ³ /ngày.đêm/1modul)	Hệ thống	01
2	Công trình/thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải rắn		
-	Khu tập kết chất thải tập trung (20m ²)	Khu	01
-	Xe chứa chất thải rắn, dung tích 0,5m ³ /xe	Xe	02
-	Thùng đựng chất thải rắn công cộng, dung tích 240 lít	Thùng	30
-	Thùng chứa chất thải trợ	Thùng	02
-	Thùng chứa CTR nguy hại, dung tích 500 lít	Thùng	02

5. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, UBND huyện Đông Sơn có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.